

Bản án số: 183/2018/HS-ST
Ngày: 28 – 11 - 2918

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Trang

Thẩm phán: Ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Lợi

Ông Nguyễn Văn Lý

Ông Hồ Viết Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hiếu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc N; tên gọi khác: Lự; giới tính: Nam; sinh ngày: 01/9/1988 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm M, xã Châu T, huyện Q, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Lê Ngọc D, sinh năm 1957 và bà Trần Thị L, sinh năm 1962; vợ: Lữ Thị L, sinh năm 1990; con: Có 01 sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tạm giam kể từ ngày 18/4/2018 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt

2. Trịnh Văn T; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 20/10/1992; nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe taxi; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Trịnh Văn L, sinh năm 1967 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ tạm giam kể từ ngày 17/4/2018 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt

3. Nguyễn Công Đ; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 09/7/1965 tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm M, xã C, huyện Q, tỉnh

Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; con ông: Nguyễn Công H (đã chết) và bà Đàm Thị C (đã chết); vợ: Vương Thị L, sinh năm 1968; Con: Có 02, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 170/HSST/2005 ngày 30/6/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 07 năm tù về "Tội mua bán trái phép chất ma túy" và 06 năm tù về "Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt chung cả 2 tội là 13 năm tù, chấp hành xong hình phạt ngày 18/10/2013. Bị cáo bị tạm giữ tạm giam kể từ ngày 18/4/2018 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn T: Luật sư Võ Văn Đăng; Văn phòng luật sư Hương Thảo và Cộng sự; Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An,. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc N: Luật sư Chu Quang Minh, Văn phòng luật sư T Diệp và Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Công Đông; sinh năm: 1994. Trú tại: Xóm 4 T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Minh L; sinh năm: 1967. Trú tại: Xóm 4 T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt

- *Người liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn T; sinh năm: 1991; trú tại: xóm 4, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt

+ Anh Võ Văn Đ; sinh năm: 1993; trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

+ Anh Ngô Văn L; sinh năm: 1993; trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

+ Anh Nguyễn Văn T; sinh năm: 1984; trú tại: Khối 2, phường Q, T phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn T; sinh năm: 1973; trú tại: xóm 6, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

+ Anh Trần Văn D; sinh năm: 1990; trú tại: xóm 6, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/4/2018, Trịnh Văn T gọi điện trao đổi với Lê Ngọc N có một người phụ nữ ở Đô Lương hỏi mua 25 gói ma túy (hồng phiến), N có bán không,

Lê Ngọc N đồng ý và thống nhất giá 7.000.000đ/1 gói và hẹn địa điểm T giao ma túy với người phụ nữ là tại huyện Đô Lương. Sau khi thỏa thuận xong, chiều cùng ngày, Lê Ngọc N mượn xe ô tô của gia đình và rủ chị gái là Lê Thị N đi sang nước Lào để mua cây Lùng (nhưng mục đích của N là để mua ma túy). Đến sáng ngày 17/4/2018, N gặp một người đàn ông Lào tại huyện S đặt mua 25 gói ma túy (hồng phiến) với giá 3.500.000đ/1gói, người này nói bán cho N 20 gói và cho thêm 7 gói, N đồng ý. Người Lào đưa cho N 01 túi nilon màu đen bên trong có 27 gói ma túy. N đưa cho người đàn ông Lào 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*) còn 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) xin nợ và hẹn sau 2 ngày nữa sẽ mang tiền sang trả. N cất giấu túi nilon chứa ma túy dưới gầm xe ô tô. Sau đó đi về Việt Nam cùng với Lê Thị N. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Lê Ngọc N hẹn Trịnh Văn T đến Ngã 5, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, N giao cho T 27 gói ma túy đựng trong túi nilon màu đen để mang đi bán cho người phụ nữ ở thị trấn Đô Lương như đã thỏa thuận và hẹn buổi tối T bán ma túy xong sẽ giao tiền cho N. Sau khi lấy được số ma túy từ N, T treo trước móc xe máy BKS 37G1.678.94 (T mượn của em trai) rồi đi xuống thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương để bán ma túy cho người phụ nữ như đã hẹn. Trên đường đi đến huyện Nghĩa Đàn, T gọi điện cho Ngô Văn L, sinh năm 1993, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An và Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, trú quán khối 2, phường Q, T phố V, tỉnh Nghệ An đang công tác tại xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An rủ đi xuống huyện Đô Lương chơi. Lầm lấy xe máy BKS 37B2.315.34 của T đang gửi tại nhà Trần Văn H rồi cùng Thanh, T đi xuống huyện Đô Lương. Khi đi qua nhà nghỉ N Hoàng thuộc xã T, huyện Đô Lương, T nói L và T vào thuê phòng nghỉ trước để T đi công việc rồi quay lại sau. L và Thanh đi xe máy Sirius BKS 37B2-31534 của T cất trong bãi xe của nhà nghỉ và thuê phòng để chờ T. Trịnh Văn T đi xe máy BKS 37G1.678.94 mang số ma túy đến gặp người phụ nữ Đô Lương tại quán cà phê ở thị trấn Đô Lương. Khi gặp nhau, người phụ nữ muốn xem ma túy trước nên T gọi điện hỏi N. Lê Ngọc N nói T lấy 02 gói ma túy cho xem trước. Sau đó, T đi xe máy về nhà nghỉ N, phòng gặp L và T lấy chìa khóa xe Sirius BKS 37B2.315.34 rồi đi xuống bãi xe đến xe máy Exciter BKS 37G1.678.94 lấy 25 gói ma túy T bỏ vào cốp xe máy Sirius BKS 37B2.315.34 khóa lại và lấy 02 gói ma túy mang đến quán cháo H thuộc khối 6, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương gặp người phụ nữ để giao dịch mua bán ma túy, T đưa 02 gói ma túy (hồng phiến) cho người đó xem. Khi hai bên đang trao đổi việc mua bán thì Tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Nghệ An phát hiện, bắt quả tang Trịnh Văn T thu giữ 02 gói nilon chứa nhiều viên nén màu hồng khối lượng 36,06 gam nghi ma túy (Methamphetamine), còn người phụ nữ lợi dụng sơ hở chạy thoát. Ngày 23/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An phát hiện và thu giữ trong cốp xe máy Sirius BKS 37B2.315.34 của Trịnh Văn T

để tại nhà nghỉ N 25 gói nilon màu xanh chứa nhiều viên nén màu hồng nghi ma túy (Methamphetamine) có khối lượng 471,67 gam.

Sau khi giao ma túy tại khu vực chợ Ngã 5, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An cho Trịnh Văn T, chiều tối ngày 17/4/2018 Lê Ngọc N đến nhà Nguyễn Công Đ trú tại xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An rủ đi chơi, Đ đồng ý. Lê Ngọc N nói Đ mang theo gói ma túy (hồng phiến) mà N gửi ở nhà Đ vào ngày 12/4/2018 do N mua của một người đàn ông dân tộc (không rõ tên và địa chỉ) ở xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An với giá 2.000.000 đồng, N nói với Đ cất dấu để sử dụng nhưng thực chất, N mua mục đích bán cho một người đàn ông tên H (không rõ lai lịch địa chỉ) với giá 70.000đ/1viên và hẹn ngày 17/4/2018 giao ma túy tại thị trấn Đô Lương. Lê Ngọc N thuê xe taxi BKS 37A.421.69 do Nguyễn Văn Trường điều khiển chở N và Đôn đi xuống huyện Đô Lương. Trên đường đi, N đã lấy ma túy trong gói mang theo cùng Đ và T hai lần sử dụng chất ma túy trên xe ô tô. Khi sử dụng xong, Lê Ngọc N bỏ gói ma túy trong hộc cánh cửa bên ghế phụ của xe taxi. Sau đó, N bảo T chở N và Đôn đến nhà nghỉ N ở huyện Đô Lương, khi vừa vào nhà nghỉ thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An giữ người trong trường hợp khẩn cấp, thu giữ 01 gói nilon chứa nhiều viên nén màu hồng có khối lượng 6,93 gam nghi ma túy (Methamphetamine) trong xe taxi BKS 37A.421.69.

Ngày 18/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An khám xét nhà ở của N tại xã C, huyện Q, Nghệ An phát hiện và thu giữ trong phòng Lê Ngọc T, sinh năm 1982, (anh trai N) 2,36 gam viên nén màu hồng nghi ma túy (Methamphetamine) và 37,54 gam chất bột màu trắng nghi ma túy (Heroine). N không biết số viên nén màu hồng và số chất bột màu trắng trên là của ai.

Bản kết luận giám định số 538 ngày 23/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: "Hai mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu M1, M2) thu giữ của Trịnh Văn T gửi tới giám định đều là ma túy (Methamphetamine). Số viên nén màu hồng (02 gói) thu giữ của Trịnh Văn T có tổng khối lượng 36,06 gam (ba mươi sáu phẩy không sáu gam)".

Bản kết luận giám định số 559 ngày 23/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: "Mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu M3) thu giữ trong xe ô tô mang BKS 37A-421.69 gửi tới giám định đều là ma túy (Methamphetamine). Số viên nén màu hồng (01 gói) thu giữ trong xe ô tô mang BKS 37A-421.69 tổng khối lượng 6,93 gam (sáu phẩy chín mươi ba gam)".

Bản kết luận giám định số 572 ngày 02/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: "Hai mươi lăm mẫu viên nén màu hồng (ký hiệu từ M1 đến M25) thu giữ trong cốp xe máy mang BKS 37B2-315.34 của Trịnh Văn T gửi tới giám định đều là ma túy (Methamphetamine). Số viên nén màu hồng (25 gói) thu giữ trong cốp xe máy mang BKS 37B2-315.34 của Trịnh Văn T có tổng khối lượng 471,67 gam (Bốn trăm bảy một phẩy sáu mươi bảy gam)".

Với nội dung trên, Bản cáo trạng số 183/CT-VKS-P1 ngày 25 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố:

Các bị cáo Trịnh Văn T, Lê Ngọc N về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Công Đ về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s,v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Lê Ngọc N 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công Đ từ 05 đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

+ Về vật chứng:

- Ma túy là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen gắn 2 số sim: 0965.776.778 và 0968.955.937, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen gắn số sim: 01675341012 đã qua sử dụng thu giữ của Lê Ngọc N; 01 chiếc xe máy Sirius BKS 37B2-415.34 cùng 01 chiếc chìa khóa xe máy của Trịnh Văn T và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu hồng, gắn 2 số sim: 0977.929.560 và 0166.3000.953 thu giữ của Trịnh Văn T có liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu trắng xám gắn số sim: 0904.795.414 thu giữ của Trịnh Văn T, đây là điện thoại mà T mượn của Ngô Văn Lãm, do đó trả lại cho Ngô Văn L.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, mặt đen vỏ xám gắn số sim: 01256014858 thu giữ của Lê Ngọc N không phải là công cụ phương tiện phạm tội cần trả lại cho Lê Ngọc N.

Đối với điện thoại thu giữ của Nguyễn Công Đ không phải là công cụ phương tiện phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc xe mà bị cáo Trịnh Văn T mượn của em trai là Nguyễn Công Đông do anh Công không biết việc T mượn xe để đi mua bán ma túy nên cần trả lại chiếc xe đó cho anh Nguyễn Công Đ.

Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc N không tranh luận về phần tội danh mà bị cáo bị truy tố và xét xử; bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội nhưng tính cộng khối lượng để truy tố theo khoản 4 Điều 251 nên đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần đối với bị cáo N; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo là khai báo T khẩn ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo có T tích trong phong trào thi đua yêu nước năm 2009 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tặng Giấy khen và có công giúp cứu người bị chết đuối, bố của bị cáo là thương binh hạng 2. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo thấp hơn mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Lê Ngọc N đồng ý với lời bào chữa của luật sư, không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn T không tranh luận về phần tội danh mà bị cáo bị truy tố và xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo thấp hơn mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đối với chiếc xe máy mà bị cáo dùng để thực hiện việc mua bán ma túy là do gia đình bị cáo cho tiền để mua, đề nghị trả lại cho bị cáo T.

Bị cáo Trịnh Văn T đồng ý với lời bào chữa của luật sư, không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Công Đ không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Công Đông đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe cho con trai là Nguyễn Công Đông.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa tranh luận và giữ nguyên quan điểm đã đề nghị xét xử đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Ngọc N, Trịnh Văn T và Nguyễn Công Đ hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai nhận trong quá trình điều tra, phù hợp với các kết luận giám định về ma túy của Công

an tỉnh Nghệ An, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định: Vào ngày 16/4/2018, Trịnh Văn T đặt vấn đề mua ma túy với Lê Ngọc N, nên ngày 17/4/2018 Lê Ngọc N giao 27 gói ma túy có khối lượng 507,73 gam Methamphetamine cho Trịnh Văn T để bán lại cho một người phụ nữ ở huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An với giá 7.000.000đ/1 gói, khi Trịnh Văn T đang thực hiện giao dịch mua bán ma túy tại khối 6, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thì bị bắt quả tang. Ngoài ra ngày 12/4/2018 Lê Ngọc N còn nhờ Nguyễn Công Đ cất dấu 01 gói ma túy có khối lượng 6,93 gam Methamphetamine để sử dụng, đến ngày 17/4/2018, N mang theo gói ma túy trên để bán cho một người tên Hưng ở huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An với giá 70.000đ/1 viên, chưa kịp bán thì bị cơ quan công an bắt giữ.

Như vậy, trong vụ án này bị cáo Trịnh Văn T đã có hành vi mua bán trái phép 507,73 gam Methamphetamine, bị cáo Lê Ngọc N có hành vi mua bán trái phép 514,66 gam Methamphetamine; còn bị cáo Nguyễn Công Đ có hành vi tàng trữ trái phép 6,93 gam Methamphetamine. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Trịnh Văn T và Lê Ngọc N đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” vi phạm điểm b khoản 4 điều 251 Bộ luật hình sự 2015; bị cáo Nguyễn Công Đ đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” vi phạm điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[2] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: Bị cáo Lê Ngọc N hai lần mua ma túy để bán cho người khác, nhưng khi xét xử cần tính tổng khối lượng để xét xử bị cáo theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần là phù hợp. Do đó, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Trịnh Văn T, Lê Ngọc N, Nguyễn Công Đ trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã khai báo T khẩn, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; riêng bị cáo Lê Ngọc N có T tích trong phong trào thi đua yêu nước được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu tặng Giấy khen và có công cứu giúp người bị đuối nước, bố bị cáo là thương binh hạng 2, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo: Vụ án có đồng phạm mang tính giản đơn, bị cáo Lê Ngọc N có hành vi mua bán trái phép ma túy có khối lượng 514,66 gam Methamphetamine và cùng bị cáo Nguyễn Công Đ có hành vi tàng trữ trái phép ma túy có khối lượng 6,93 gam Methamphetamine nên phải chịu trách nhiệm và hình phạt cao nhất; bị cáo Trịnh Văn T có vai trò chính trong việc mua bán ma túy có khối lượng 507,73 gam

Methamphetamine nên phải chịu trách nhiệm sau bị cáo N; Bị cáo Nguyễn Công Đ vì nghiện mà cất dấu trái phép chất ma túy có khối lượng 6,93 gam Methamphetamine cho Lê Ngọc N, với mục đích để N cho ma túy để sử dụng nên hành vi ít nguy hiểm hơn các bị cáo khác, nhưng bản thân bị cáo năm 2005 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 13 năm tù về các tội về ma túy, đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, cải tạo bản thân mà lại tiếp tục có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để nhằm mục đích thỏa mãn cơn nghiện. Do đó cần xử phạt bị cáo Đ mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo bị cáo và để phòng ngừa chung.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm ma túy gây tác hại nghiêm trọng đến trật tự an ninh xã hội, gây suy thoái giống nòi, phá hoại hạnh phúc và kinh tế gia đình, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về chất gây ma túy. Các bị cáo có đủ khả năng nhận thức được tác hại của ma túy và mức hình phạt nghiêm khắc đối với các tội về ma túy nhưng chỉ vì háms lợi và để thỏa mãn cơn nghiện của mình mà các bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần có mức án nghiêm khắc và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội trong thời gian đủ dài, đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa người phạm tội và giáo dục chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Trịnh Văn T, Lê Ngọc N và Nguyễn Công Đ chưa thu lợi bất chính, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng: Ma túy là vật Nhà nước cầm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy htu giữ của các bị cáo.

- 02 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen thu giữ của Lê Ngọc N; 01 điện thoại Oppo của Trịnh Văn T, các tài sản này có liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 xe máy Sirius màu vàng đen biển kiểm soát 37B2-315.34 và 01 chiếc chìa khóa xe máy, thu giữ của bị cáo Trịnh Văn T, bị cáo khai nhận bố mẹ cho tiền để mua xe máy nên đề nghị trả lại cho bị cáo. Nhưng xét thấy, Xe máy được đăng ký mang tên bị cáo, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm về hành vi dân sự và hình sự, có toàn quyền sử dụng và định đoạt, bị cáo khai nhận sử dụng xe máy vào việc phạm tội là đúng thực tế, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là đúng pháp luật.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu trắng xám gắn số sim: 0904.795.414 thu giữ của Trịnh Văn T. Quá trình điều tra xác định, đây là điện thoại mà T mượn của Ngô Văn L, L không biết T dùng vào việc phạm tội, do đó trả lại cho Ngô Văn L.

- Đối với 1 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thu giữ của bị cáo Nguyễn Công Đ không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho Nguyễn Công Đ.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt đen vỏ xám thu giữ của Lê Ngọc N không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho Lê Ngọc N.

- Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter màu đen, trắng, đỏ biển kiểm soát 37G1-67894, Trịnh Văn T mượn của em trai là Nguyễn Công Đ, do anh Công không biết việc T mượn xe để đi mua bán ma túy nên cần trả lại chiếc xe đó cho anh Nguyễn Công Đ. Nhưng hiện tại, anh Nguyễn Công Đ không có mặt tại địa phương nên giao xe cho ông Trịnh Văn L là bố đẻ của anh Công quản lý là phù hợp, ông Trịnh Minh L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Thi hành án tỉnh Nghệ An để nhận tài sản theo quy định.

[6] Đối với Nguyễn Văn T là người lái xe taxi BKS 37A.421.69 chở Lê Ngọc N và Nguyễn Công Đ. Trên đường đi, Trường đã cùng N và Đ 02 lần sử dụng trái phép chất ma túy trong xe ô tô do Trường điều khiển và quản lý. Tuy nhiên do T, N và Đ là những người nghiện ma túy cùng rủ nhau sử dụng chất ma túy nên hành vi của Trường chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"*, Cơ quan Công an đã xử lý bằng biện pháp hành chính đối với Nguyễn Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người phụ nữ ở Đô Lương đặt mua 27 gói ma túy; Người đàn ông tên H đặt mua ma túy của Lê Ngọc N; Người đàn ông ở huyện S, tỉnh H, nước CHDCND Lào đã bán cho N 27 gói ma túy ngày 17/4/2018 và người đàn ông dân tộc ở T, huyện Q đã bán cho N 01 gói ma túy nhưng do N không biết rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Đối với Ngô Văn L và Nguyễn Văn T đi chiếc xe máy nhãn hiệu Sirius, BKS 37B2-315.34 của T xuống Đô Lương, sau đó T cất dấu ma túy trong cốp xe và T mượn chiếc điện thoại của Lãm để liên lạc việc mua bán ma túy nhưng qua điều tra, xác minh L và T không biết nên không liên quan việc mua bán ma túy của T nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Ngô Văn L, Nguyễn Văn T, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lê Thị N đi cùng với Lê Ngọc N sang Lào chiều ngày 16/4/2018 nhưng Ngọc không biết hoạt động mua bán ma túy của N nên không liên quan trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các luật sư và các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp

luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s,v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Lê Ngọc N 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/4/2018.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 19 (mười chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/4/2018

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công Đ 05 (năm) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/4/2018.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo Trịnh Văn T, Lê Ngọc N, Nguyễn Công Đ.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 460,39 gam Methamphetamine

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các tài sản sau: 02 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Lê Ngọc N; 01 điện thoại Oppo, 01 xe máy Sirius màu vàng đen biển kiểm soát 37B2-315.34 và 01 chiếc chìa khóa của xe máy, thu giữ của bị cáo Trịnh Văn T.

- Trả lại cho anh Ngô Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám trắng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Công Đ 1 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel

- Trả lại cho bị cáo Lê Ngọc N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt đen vỏ xám.

- Trả lại lại cho anh Nguyễn Công Đ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter màu đen, trắng, đỏ biển kiểm soát 37G1-67894. Nhưng hiện tại, anh Nguyễn Công Đ không có mặt tại địa phương nên giao xe cho ông Trịnh Minh L là bố đẻ của anh Nguyễn Công Đ quản lý là phù hợp. Ông Trịnh Minh L có trách nhiệm liên hệ với Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An để nhận tài sản theo quy định.

Đặc điểm tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An ngày 25/10/2018.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Công Đ, Trịnh Văn T, Lê Ngọc N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử có mặt các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người liên quan, những người có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người liên quan khác vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao HN
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Nghệ An
- Cục THADS tỉnh Nghệ An
- Bị cáo, luật sư
- UBND xã Châu Tiến, Quỳnh Châu
- UBND xã Nghĩa Khánh, Nghĩa Đàn
- Sở tư pháp
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Trang